

ÁP DỤNG QUY TRÌNH GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID KOLB VÀO VIỆC TỔ CHỨC RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

QUẢN HÀ HUNG*

Ngày nhận bài: 27/06/2016; ngày sửa chữa: 04/07/2016; ngày duyệt đăng: 13/07/2016.

Abstract: Experience-based education in general and the one developed by David Kolb in particular are well-known in the world. One of its outstanding characteristics is the process in which knowledge and skills are built by learners based on their experiential activities. This creates a good base for applying it into organizing and training pedagogical profession for students of primary education faculty. This application aims at training basic skills of teaching and learning in line with circumstance of primary schools.

Keywords: Educational experience, professional skills, Primary Education.

Giao dục trải nghiệm (GDTN) không phải là hình thức đào tạo mới mẻ, tự bản thân nó đã được hình thành và áp dụng trong đời sống hàng ngày của mỗi cá nhân. Trong phạm vi nhà trường, GDTN hướng đến các mục tiêu giáo dục cụ thể, phù hợp với từng môn học, nội dung từng bài học cũng như các phương pháp, hình thức tổ chức và quy mô dạy học khác nhau. Vì thế, khả năng áp dụng GDTN trong tổ chức, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) cho sinh viên (SV) khoa Giáo dục tiểu học (GDTH) là rất phù hợp, hiệu quả. Đặc trưng của hoạt động rèn luyện là hoạt động thực hành, được tổ chức dưới hình thức các nhóm nhỏ nhằm hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản, cần thiết của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục tại trường phổ thông.

1. Vài nét về giáo dục trải nghiệm

1.1. Khái niệm. Theo Hiệp hội GDTN quốc tế: “GDTN là một phạm trù bao hàm nhiều phương pháp trong đó người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, định hình các giá trị sống và phát triển tiềm năng bản thân, tiến tới đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Người dạy ở đây có thể là: giáo viên (GV), tình nguyện viên, hướng dẫn viên, huấn luyện viên, bác sĩ tâm lý... Nó nói lên tính đơn giản, đa dạng, phổ biến và ứng dụng của GDTN” [1; tr 2].

Theo Dự án giáo dục môi trường Hà Nội (2006) *Học mà chơi - Chơi mà học, Tổ chức con người và thiên nhiên Hà Nội*, thì GDTN là: “GDTN hay học tập qua kinh nghiệm là quá trình người học tạo dựng kiến thức, kỹ năng và quan điểm về giá trị từ việc bản thân trải nghiệm trực tiếp trong môi trường học tập. Học tập qua kinh nghiệm thể hiện sự trưởng thành và thành công của cá

nhân và nhóm qua chu trình: Lĩnh hội - Hành động - Phản ánh - Lĩnh hội để đạt được kinh nghiệm [2; tr 11].

Như vậy “Học tập qua kinh nghiệm” còn được hiểu là quá trình học tập dựa trên những kinh nghiệm có sẵn và nó rất thích hợp để tiếp thu những kỹ năng thực hành.

1.2. Bản chất của GDTN. GDTN (hay học tập qua kinh nghiệm) dựa trên các hoạt động có hướng dẫn; là hình thức học tập gắn liền với các hoạt động có sự trải nghiệm thực tế, dựa trên những phân tích, đánh giá, kiến thức sẵn có và đề cao kinh nghiệm của người học. Như vậy trong hình thức học tập này, GV đóng vai trò là người hướng dẫn và thúc đẩy việc trực tiếp trải nghiệm của người học, đảm bảo quá trình học tập và lĩnh hội kiến thức của người học có hiệu quả. Quá trình dạy học trải nghiệm chỉ ra rằng việc dạy học không phải là tiến hành công việc tới người học thông qua thực thi hàng loạt các kỹ thuật, mà là công việc ở đó người dạy làm cùng với người học, chia sẻ kinh nghiệm cùng người học. Việc lập kế hoạch và chỉ ra các kinh nghiệm sẵn có của học sinh (HS) là yếu tố vô cùng quan trọng trong quá trình dạy học của GV. Người dạy giúp người học bám sát kinh nghiệm cá nhân và tự rút ra kiến thức dựa trên sự phân tích đánh giá. GDTN luôn được hình dung như một mô hình học tập, trong đó nó được khởi động bằng kinh nghiệm đã có ban đầu, sau đó tiếp tục bởi các quá trình phản hồi, thảo luận, phân tích và đánh giá kinh nghiệm. Tóm lại, bản chất của GDTN là *quá trình học tập tập trung vào các giác quan và kinh nghiệm của người học.*

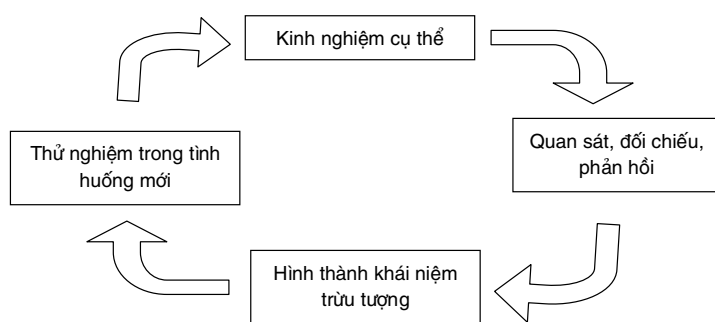
1.3. Quy trình GDTN của David Kolb. David Kolb là nhà lý luận giáo dục đầu tiên nghiên cứu về học tập dựa

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

vào trải nghiệm, ông cho rằng “Học tập là quá trình mà trong đó kiến thức được tạo ra thông qua việc chuyển đổi kinh nghiệm”. Các kinh nghiệm học tập liên quan đến việc áp dụng các thông tin nhận được từ giáo dục đến kinh nghiệm của người học. HS không tiếp thu kiến thức của mình chỉ từ GV, mà thay vào đó, người học thông qua quá trình trải nghiệm dựa trên các kinh nghiệm hiện có của bản thân để thu nhận thông tin mới trong môi trường học tập thực tiễn và kiểm tra nó bằng kinh nghiệm của mình.

Mô hình GDTN của David Kolb (1984) được biết đến khá phổ biến trên thế giới. Ông đã xây dựng nên một mô hình học tập qua kinh nghiệm là một chu trình tuần hoàn xoắn ốc gồm 4 giai đoạn, trong đó người học thử nghiệm và điều chỉnh các khái niệm mới như là kết quả của các hoạt động phản hồi và hình thành khái niệm. Đó là các giai đoạn: 1) *Khởi đầu bằng một kinh nghiệm* (còn gọi là *kinh nghiệm cụ thể* hay *kinh nghiệm đã có*); 2) *Hoạt động phản hồi (quan sát và phản hồi)*; 3) *Những phản hồi này được tích lũy trở thành một lý thuyết hoặc giả định mới (còn gọi là hình thành khái niệm trừu tượng)*; 4) *Các giả định này lại được kiểm nghiệm trong các tình huống mới (còn gọi là thử nghiệm chủ động)*.

Với những phân tích trên, có thể biểu thị chu kì học tập dựa vào trải nghiệm cùng với cấu trúc của chu kì qua mô hình (xem mô hình).



Hình 1. Mô hình GDTN của David Kolb

Trong mô hình của David Kolb, người học có thể tiếp cận một trong bốn giai đoạn của chu trình học. Tuy nhiên, người học nên bắt đầu quá trình học tập của mình bằng một hành động cụ thể, sau đó quan sát tác động của hoạt động đó trong bối cảnh thực tế. Bước tiếp theo sẽ giúp hiểu các tác động trong các tình huống cụ thể để thấy rằng nếu hoạt động tương tự xảy ra như trong bối cảnh ban đầu thì có thể dự đoán các diễn biến tiếp theo. Bước thứ ba là hình thành hiểu biết về các nguyên lý chung tương ứng với các tình huống cụ thể. Bước cuối cùng là việc áp dụng các hiểu biết đó vào hoàn cảnh mới thông qua các hành động ở phạm vi có tính phổ biến nhất.

2. Vai trò, ý nghĩa của GDTN trong hoạt động rèn luyện NVSP cho SV khoa GDTH

GDTN có cách tiếp cận theo hệ thống có liên quan đến việc học kết hợp với hành, học từ hành động thực tiễn và là hình thức dạy học sử dụng triệt để phương pháp chuyển giao kinh nghiệm trực tiếp. Đây chính là điều kiện thuận lợi để áp dụng quy trình GDTN của David Kolb trong quá trình tổ chức, rèn luyện các nội dung NVSP cho SV khoa GDTH Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu đề tài “*Hứng thú học tập học phần Rèn luyện NVSP của SV khoa GDTH, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*” do TS. Vũ Thị Lan Anh chủ trì cho thấy: đa số SV đều nhận thức được ý nghĩa thiết thực của các nội dung trong học phần rèn luyện NVSP, vì thế các em có thái độ rất tích cực, tự giác trong việc tìm hiểu các thông tin về tình hình thực tiễn GDTH, rèn luyện các “kĩ năng nghề”. Do đó, SV có khả năng sử dụng các kĩ năng cơ bản để tiến hành và tổ chức các hoạt động sư phạm của GV tiểu học. Hầu hết SV đều xác định được động cơ học tập, điều này đã thúc đẩy tính tích cực hoạt động học tập của SV. Ngoài những giờ học lí thuyết và thực hành trên lớp, nhiều SV đã tự giác rèn luyện những kĩ năng thiết thực như: viết, nói-thuyết trình, giảng dạy... Đặc biệt, SV rất hào hứng học tập học phần rèn luyện NVSP với các hình thức học tập diễn ra ở trường tiểu học như: dự giờ, tổ chức các hoạt động giáo dục, tập giảng, tham gia các hoạt động dạy học...

Trong 4 năm học, SV khoa GDTH được hướng dẫn trải nghiệm để rèn luyện các nhóm kĩ năng sư phạm cơ bản và kĩ năng chuyên biệt trong môi trường thực tiễn của các trường tiểu học, luôn được tạo cơ hội về môi trường, bối cảnh dạy học tại các lớp học tiểu học như là phương tiện để lĩnh hội kiến thức, thực hành các kĩ năng và góp phần bồi dưỡng, hình thành tình cảm nghề nghiệp cho bản thân.

Hoạt động rèn luyện NVSP trang bị cho SV những kĩ năng cơ bản và thực tế nhất cho GV tiểu học trong tương lai, giúp họ vận dụng lí luận vào thực tiễn. SV có được những kĩ năng chung và kĩ năng chuyên biệt của việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học; đồng thời có cơ hội rèn luyện ý thức cũng như thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện các phẩm chất và năng lực của GV tiểu học. Đây là hoạt động đặc trưng trong việc rèn luyện tay nghề cho SV khoa GDTH và được diễn ra thông qua các hoạt động chính khóa cũng như hoạt động ngoại khóa.

- *Hoạt động chính khóa*: Là rèn luyện NVSP thường xuyên, kiến tập và thực tập sư phạm. Trong đó, rèn luyện NVSP thường xuyên được tiến hành thông qua các hoạt động cụ thể như: dạy học các học phần thuộc *Rèn luyện NVSP* (1, 2, 3) hoặc *Thực hành sư phạm* (1, 2, 3), *Rèn luyện NVSP tập trung* (1 tuần/mỗi năm học); kiến tập và thực tập sư phạm được thực hiện qua 2 hoặc 3 đợt (kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm đợt 1 và 2) tại các trường tiểu học thực hành của khoa.

- *Hoạt động ngoại khóa*: Là tổ chức các hội thi, hội thảo, sinh hoạt câu lạc bộ "Khoa học NVSP"; Tiến hành các chuyên đề NVSP phục vụ học tập; Tham gia câu lạc bộ gia sư, trải nghiệm các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại các trường tiểu học thực hành...

3. Áp dụng quy trình GDTN của David Kolb trong việc tổ chức, rèn luyện cho SV khoa GDTH về kỹ năng "Tìm hiểu nhà trường tiểu học"

Để có cái nhìn rõ ràng hơn về việc áp dụng quy trình GDTN của David Kolb trong quá trình tổ chức rèn luyện NVSP cho SV trong khoa, chúng tôi nêu ví dụ về việc hình thành kỹ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học. Cụ thể:

3.1. Giao nhiệm vụ trải nghiệm. Giảng viên tổ chức và giao nhiệm vụ cho các nhóm SV tìm hiểu về nhà trường tiểu học với mục tiêu là nắm vững cơ cấu quản lý, các thành phần cũng như các hoạt động của các đối tượng chính trong nhà trường như GV, HS... Đây là nhiệm vụ đầu tiên mở đầu cho một quá trình trải nghiệm tại trường tiểu học và cũng hết sức phù hợp với các bạn SV năm thứ nhất vì người dạy đã căn cứ vào khả năng và vốn kinh nghiệm sẵn có của người học trong suốt quá trình học tập tại các trường tiểu học nói riêng cũng như các trường phổ thông nói chung.

3.2. Người học quan sát, đối chiếu, phản hồi. Giảng viên tổ chức để người học tiến hành quá trình tìm hiểu thông qua thời gian rèn luyện NVSP thường xuyên tại trường tiểu học. Tại đây, dưới sự hướng dẫn của giảng viên cùng GV phổ thông, người học được tiến hành các hoạt động thực tiễn như: nghe báo cáo của ban giám hiệu, trực tiếp tham gia các hoạt động chính trong nhà trường; quan sát một số hoạt động như: công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục ở đơn vị lớp cũng như trong toàn trường; tìm hiểu hồ sơ cá nhân HS... Trong quá trình tìm hiểu và tham gia hoạt động, các nhóm thường xuyên trao đổi, thảo luận, chia sẻ để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, những nội dung chưa cập nhật so với phần giảng dạy trên giảng đường đại học hoặc những khó khăn khi trải nghiệm trong môi trường thực tiễn...

3.3. Người học tự hình thành khái niệm. Những hoạt động trên giúp người học tự lĩnh hội kiến thức, tự

kiểm nghiệm những nội dung đã được truyền đạt trên giảng đường đại học về thực tiễn giáo dục tại trường phổ thông, về kinh nghiệm cũng như khả năng xử lý trong các mối quan hệ giao tiếp với GV, với HS và phụ huynh HS; củng cố thêm những kiến thức thuộc các môn học khác như: *Tâm lý học tiểu học, Tâm lý HS tiểu học, Giáo dục học*... Đồng thời các em cũng được rèn luyện các kỹ năng như quan sát, thu thập thông tin, phỏng vấn... Tất cả những hiểu biết và kỹ năng này sẽ hỗ trợ cho các em trong việc đề xuất hoặc đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm và trường rèn luyện.

3.4. Tổ chức cho người học thử nghiệm tích cực.

Căn cứ trên kết quả nhận thức của giai đoạn trước, giảng viên xây dựng các nhiệm vụ để người học thử nghiệm như: lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp trong thời gian một tháng, tổ chức một hoạt động giáo dục cấp trường (cả đoàn) và một hoạt động sinh hoạt tập thể cuối tuần đối với cấp lớp (các nhóm), lập kế hoạch và tổ chức dạy học một tiết thuộc môn *Toán* hoặc *Tiếng Việt*... Trong quá trình thực hiện các thử nghiệm, người học luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo rất sát sao của giảng viên hướng dẫn về chuyên môn cũng như sự trợ giúp của các SV cùng đơn vị rèn luyện. Bản thân người học cũng như các nhóm luôn được động viên, khuyến khích nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, mạnh dạn áp dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực để họ thực sự có cảm giác được chủ động, tự tin hoàn thành các thử nghiệm.

Có thể nhận thấy GDTN trong quá trình tổ chức rèn luyện NVSP nhằm đạt được mục tiêu học tập của SV là hình thành kỹ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học theo quy trình của David Kolb, người học tham gia một cách chủ động và tích cực vào quá trình học hơn so với giáo dục truyền thống. Sự bình đẳng giữa người học với người học, giữa người học với người dạy được đảm bảo và thời gian lĩnh hội kiến thức được rút ngắn. Ngoài ra, các giảng viên dạy nghề với tư cách là người hướng dẫn cũng được cập nhật, trau dồi thêm kinh nghiệm thực tế thông qua hình thức dạy học trải nghiệm cùng SV, từ đó xem xét, điều chỉnh nội dung rèn luyện NVSP cho phù hợp và hiệu quả theo hướng: giảm bớt lý thuyết, tăng cường thực hành, lý thuyết gắn kết với thực tiễn phổ thông.

Thực tế cho thấy, hình thức GDTN được áp dụng trong quá trình tổ chức rèn luyện NVSP cho SV khoa GDTH Trường Đại học Sư phạm Hà Nội rất có hiệu quả. Ở đó, người học được tự khám phá, tư duy và tạo dựng kiến thức cho bản thân, tạo cơ hội để phát triển các kỹ

năng nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, GDTN cũng không thể tách rời giáo dục truyền thống, không thể tách rời vai trò quan trọng của người dạy - người tổ chức, hướng dẫn - đối với quá trình học tập, rèn luyện các nội dung NVSP. Vì vậy, trong quá trình thực hiện, giảng viên cần căn cứ vào đối tượng SV, cơ sở vật chất dạy học, các trường tiểu học cụ thể để vận dụng nhằm tạo ra những thay đổi cơ bản trong chất lượng đào tạo, rèn luyện kĩ năng nghề cho SV, đáp ứng với sự thay đổi và phát triển không ngừng của giáo dục hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm hỗ trợ giáo dục thanh thiếu niên Việt Nam - trực thuộc Trung ương Hội khuyến học Việt Nam (2011). *Giáo dục trải nghiệm phương pháp luận 4T*.
 [2] Dự án giáo dục môi trường Hà Nội (2006). *Học mà chơi – Chơi mà học, Tổ chức con người và thiên nhiên*.
 [3] Dương Trọng Tấn (2014). *Học tập qua trải nghiệm và vai trò của người dạy*. Dự án công nghệ giáo dục.
 [4] David A. Kolb (2011). *Experiential Learning. Experience as the Source of Learning and Development*, Prentice Hall PTR.
 [5] Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên) (2013). *Giáo trình Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.

Một số biện pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 254)

cách tiếp nhận giữa tác phẩm và độc giả HS. Rất nhiều các phương diện văn hóa cần thiết và bổ ích mà HS có thể thu nhận làm giàu cho kiến văn của mình. Đặc biệt, có thể áp dụng những phương pháp dạy học tích cực như phương pháp đọc hiểu, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học, phương pháp dạy học dự án,... để giúp HS thụ cảm một thể loại thơ với hình thức cực tiểu, kết cấu chân không, vẻ đẹp vô ngôn thấm đẫm tinh thần văn hóa Nhật Bản nói riêng, văn hóa phương Đông nói chung. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Thanh Hương (2006). *Để dạy và học tốt tác phẩm văn chương (phần trung đại) ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
 [2] Nguyễn Thanh Hùng (2002). *Đọc và tiếp nhận văn chương*. NXB Giáo dục.
 [3] Nguyễn Thị Khánh (1998). *Văn học Nhật Bản*. NXB Thông tin Khoa học xã hội.
 [4] *Thơ Haiku Nhật Bản* (Thái Bá Tân dịch) (2013). NXB Lao động.
 [5] Ueda Makoto (2016) Matsuo Basho - Bạc đãi sư thơ Haiku. NXB Hồng Đức.

Hình thành năng lực dạy học...

(Tiếp theo trang 164)

nhiệm vụ học tập. Việc thu thập, hệ thống hóa và lựa chọn các tài liệu cho SV tự nghiên cứu là một việc làm cần thiết, đòi hỏi tinh đồng bộ. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần khuyến khích SV thực hiện tự nghiên cứu, viết tiểu luận, viết bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học,... thông qua việc nghiên cứu các sách và tài liệu tham khảo. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trương Đại Đức (2011). *Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành các trường dạy nghề khu vực miền núi phía Bắc*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên.
 [2] Fung - Wenson Wen-Yuan (2015). *Working Memory Components as Predictors of Word Problem Solving: Does Rapid Automatized Naming Speed Mediate the Relationship*. Ph.D., Education UC Riverside.
 [3] Nguyễn Bá Kim (2007). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
 [4] Vũ Dương Thụy - Đỗ Trung Hiệu (1996). *Các phương pháp giải toán ở tiểu học* (tập 1, tập 2). NXB Giáo dục.
 [5] Phạm Đình Thực (2016). *Một số vấn đề suy luận nghiên cứu trong môn Toán ở tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Sử dụng câu hỏi trong dạy học...

(Tiếp theo trang 167)

mỗi bước chỉ rõ các nút được đưa vào OPEN, nút không được đưa vào OPEN và nút đã được đưa vào OPEN rồi được lấy ra.

Để giúp SV chủ động, tích cực và có thể cá biệt hóa, nhận được thông tin ngược thông qua các câu hỏi hợp lí, việc đặt câu hỏi giảng viên cần căn cứ vào nội dung và tiến trình bài giảng, chú trọng tới trình độ nhận thức của các em. Trong nhiều trường hợp, hệ thống câu hỏi hợp lí sẽ tạo hứng thú cho SV và đạt hiệu quả cao trong dạy học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Trọng Ngọ (2005). *Phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
 [2] Nguyễn Minh Hiển (2001). *Các giải pháp chủ yếu để phát triển giáo dục đại học*. Tạp chí Giáo dục số 16, tr 1-4.
 [3] Khánh Dương (2001). *Câu hỏi và việc phân loại câu hỏi trong dạy học*. Tạp chí Giáo dục, số 16, tr 25-26.
 [4] Nguyễn Thanh Thủy (1999). *Trí tuệ nhân tạo*. NXB Giáo dục
 [5] Elaine Rich - Kevin Knight (1991). *Artificial Intelligence*. McGraw - Hill, Inc.